

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;
Căn cứ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;
Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

**Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ là Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con (sau đây gọi tắt là Quỹ).
Các công ty mẹ là tổng công ty và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con không thành lập Quỹ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ là Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý Quỹ).
2. Các doanh nghiệp có nguồn thu phải nộp về Quỹ quy định tại Thông tư này.
3. Các tổ chức, doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ từ Quỹ quy định tại Thông tư này.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng Quỹ quy định trong Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc chung về quản lý và sử dụng Quỹ

1. Cơ quan quản lý Quỹ phải mở tài khoản theo dõi riêng và tổ chức hạch toán rõ ràng, đầy đủ, kịp thời các khoản thu và chi của Quỹ.
2. Các khoản thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp đã sử dụng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, xử lý các vấn đề về tài chính theo chế độ quy định đối với từng loại hình sắp xếp doanh nghiệp tại các doanh nghiệp do Tập đoàn, tổng công ty đầu tư 100% vốn được xác định là các khoản thu, chi của Quỹ.
3. Việc gửi tiền của Quỹ tại các ngân hàng thương mại phải đảm bảo các điều kiện sau:
a) Đảm bảo an toàn tiền gửi của Quỹ tại các Ngân hàng thương mại. Các Ngân hàng thương mại được lựa chọn mở tài khoản tiền gửi của Quỹ là các ngân hàng thương mại có tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.
b) Đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu chi Quỹ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ theo quy định của pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
2. Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Khoản lãi tiền gửi của Quỹ tại các ngân hàng thương mại.
5. Khoản tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.
6. Khoản tiền người lao động dôi dư đã nhận trợ cấp từ Quỹ hoàn trả lại khi được tái tuyển dụng theo quy định của pháp luật.
7. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các nội dung chi của Quỹ

1. Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính.
3. Điều chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
4. Đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính.
5. Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1. QUẢN LÝ NGUỒN THU

Điều 6. Thời hạn nộp tiền về Quỹ

1. Đối với các khoản thu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ kịp thời về Quỹ đúng thời hạn theo quy

định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu.

Việc xác định khoản tiền thu từ cổ phần hoá quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo các quy định của pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

a) Xác định số tiền thu từ bán cổ phần lần đầu nộp về Quỹ

Kết thúc quá trình bán cổ phần lần đầu, căn cứ kết quả xác định số tiền thực thu từ bán cổ phần lần đầu và số tiền được để lại doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp xác định số tiền thu từ bán cổ phần phải nộp về Quỹ để nộp theo đúng thời gian quy định.

b) Xác định số tiền thu từ cổ phần hoá tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần nộp về Quỹ

- Căn cứ báo cáo tài chính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và hướng dẫn xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp có trách nhiệm tự xác định khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, doanh nghiệp phải thực hiện tạm nộp khoản chênh lệch tăng đã tự xác định về Quỹ.

- Căn cứ kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tiếp khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp xác định nêu trên (nếu có) về Quỹ.

- Trường hợp số tiền phải nộp về Quỹ xác định theo kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền thấp hơn số doanh nghiệp tự xác định và đã nộp thì doanh nghiệp có công văn gửi cơ quan quản lý Quỹ đề nghị hoàn trả số tiền nộp thừa về Quỹ.

Căn cứ văn bản đề nghị của doanh nghiệp và các tài liệu liên quan (Chứng từ chứng minh số tiền doanh nghiệp đã nộp tiền về Quỹ; Quyết định phê duyệt quyết toán xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền), cơ quan quản lý Quỹ quyết định xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp hoàn trả số tiền doanh nghiệp đã nộp thừa về Quỹ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

c) Trường hợp căn cứ báo cáo tài chính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, doanh nghiệp xác định có phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thì doanh nghiệp chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý chênh lệch giảm giá trị vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định.

2. Đối với các khoản thu còn lại, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thu các khoản thu theo quy định, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tiền thu về Quỹ.

3. Người đại diện sở hữu phần vốn góp của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Chế tài xử lý đối với trường hợp chậm nộp tiền thu về Quỹ

1. Áp dụng các quy định dưới đây đối với trường hợp doanh nghiệp nộp các khoản thu về Quỹ sau thời hạn quy định tại

Điều 6 Thông tư này:

a) Trường hợp chậm nộp trong vòng 03 tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất cho số tiền và thời gian chậm nộp.

Sau thời hạn 03 tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền vay quá hạn cho số tiền chậm nộp của thời gian quá hạn sau 03 tháng được xác định bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất với thời điểm phát sinh lãi vay quá hạn.

b) Các doanh nghiệp không chấp hành nộp đầy đủ, kịp thời các khoản tiền về Quỹ theo quy định tại Điều 6 thì Ban lãnh đạo doanh nghiệp được xác định là chưa hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp không kiểm tra, đôn đốc, có biện pháp để doanh nghiệp nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu và báo cáo theo quy định thì Ban lãnh đạo Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con (Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Kiểm soát viên) được xác định là chưa hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm theo quy định tại quy chế giám sát và phân loại doanh nghiệp của pháp luật hiện hành.

2. Các khoản phạt chậm nộp, quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp chỉ được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế để bù đắp sau khi trừ đi các khoản bồi thường, xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp (nếu có).

MỤC 2. CHI HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 8. Đối tượng được hỗ trợ

1. Người lao động bị mất việc hoặc thôi việc, kể cả trường hợp người lao động tự nguyện thôi việc theo quy định của Bộ Luật lao động (sau đây gọi tắt là người lao động dôi dư) tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện các hình thức sắp xếp, chuyển đổi theo quy định của pháp luật về chính sách đối với lao động dôi dư.

2. Các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên ở các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo quy định của pháp luật về chính sách đối với lao động dôi dư.

Điều 9. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá, bán doanh nghiệp: Quỹ chỉ thực hiện hỗ trợ phần kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư còn thiếu khi nguồn thu từ cổ phần hoá, bán doanh nghiệp theo quy định của pháp luật không đủ chi trả.

2. Đối với doanh nghiệp thực hiện giải thể, phá sản: Quỹ chỉ hỗ trợ khi nguồn thu từ hoạt động giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật không đủ để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí cho lao động dôi dư

1. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn, Tổng công ty, công ty mẹ làm chủ sở hữu thực hiện giải thể, phá sản, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của doanh nghiệp. Đơn đề nghị phải ghi rõ tên đơn vị đề nghị hỗ trợ, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao tiếp nhận kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư, số tài khoản và ngân hàng nơi đơn vị giao dịch, tổng số kinh phí đề nghị hỗ trợ.

b) Quyết định mở thủ tục phá sản của tòa án; quyết định giải thể doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng).

c) Dự toán kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Bản gốc).

d) Báo cáo về nguồn thu từ giải thể, phá sản doanh nghiệp được dùng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và phần kinh phí còn thiếu đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp tại doanh nghiệp hỗ trợ (Bản gốc).

2. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn, Tổng công ty, công ty mẹ làm chủ sở hữu thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác ngoài hình thức nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư của doanh nghiệp. Đơn đề nghị phải ghi rõ: tên đơn vị, số tài khoản và ngân hàng nơi đơn vị giao dịch, tổng số nguồn kinh phí tại doanh nghiệp được sử dụng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, tổng số kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ.

b) Phương án sắp xếp lại lao động, đào tạo lại (kèm theo danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, danh sách người lao động được hưởng trợ cấp và được đào tạo lại) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Bản gốc).

c) Dự toán kinh phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Bản gốc):

- Dự toán kinh phí đối với lao động dôi dư theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Dự toán kinh phí đối với lao động dôi dư thuộc các chức danh theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

d) Báo cáo về nguồn tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp để giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư kèm theo báo cáo quyết toán chi phí cổ phần

hóa, bán doanh nghiệp; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền xác nhận (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng).

đ) Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi sở hữu của cơ quan có thẩm quyền (Bản gốc hoặc bản sao có công chứng).

e) Báo cáo quyết toán tài chính năm liên kết với năm thực hiện sắp xếp.

Điều 11. Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trước khi gửi hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp phải niêm yết công khai danh sách lao động dôi dư và dự toán kinh phí chi trả chế độ đối với người lao động dôi dư được xác định theo quy định trong thời gian 05 ngày làm việc để người lao động kiểm tra đối chiếu.

3. Thời hạn gửi hồ sơ về Quỹ

a) Không quá 90 ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi đối với các doanh nghiệp thực hiện các hình thức giao, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, giải thể, phá sản, sáp nhập, hợp nhất, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu.

b) Không quá 60 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, bán có tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp không đủ giải quyết kinh phí lao động dôi dư.

c) Các hồ sơ gửi sau thời hạn nêu tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này nếu không có lý do khách quan, bất khả kháng thì không được xem xét, xử lý. Trường hợp do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Trường hợp khi chưa được cấp kinh phí nhưng công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi, đã đăng ký kinh doanh theo pháp nhân mới thì công ty (pháp nhân mới) có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về tên và số hiệu tài khoản mới của công ty đến Quỹ.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định ra quyết định xuất quỹ để thực hiện hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo các yêu cầu theo quy định hoặc có sai sót về số liệu tính toán, sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý Quỹ thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết để hoàn chỉnh.

6. Trường hợp Quỹ không đủ nguồn để hỗ trợ các doanh nghiệp trực thuộc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư thì cơ quan quản lý Quỹ lập hồ sơ gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều hoà kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Điều 11 Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Tổ chức chi trả

Sau khi nhận được kinh phí từ Quỹ, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai tại công ty mức kinh phí được hưởng của từng người lao động trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc.

2. Hoàn tất việc chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp nhận được kinh phí.

3. Việc chi trả phải đúng đối tượng, đúng số tiền và theo danh sách đã được phê duyệt. Khi chi trả doanh nghiệp phải lập bảng kê người lao động nhận trợ cấp theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Người lao động, người đại diện được uỷ quyền hoặc người quản lý đi sản theo quy định của Bộ luật Dân sự ký nhận tiền trợ cấp vào phiếu chi và bảng kê.

Điều 13. Báo cáo quyết toán kinh phí

1. Đối với khoản kinh phí cấp cho doanh nghiệp thuộc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con:

a) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, doanh nghiệp có trách nhiệm chi trả và lập báo cáo quyết toán kinh phí gửi cơ quan phê duyệt phương án sắp xếp lao động để phê duyệt hồ sơ, bao gồm:

- Bảng kê người lao động nhận trợ cấp (Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

- Báo cáo sử dụng kinh phí cấp từ Quỹ (Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

- Báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp lao động theo quy định.

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, doanh nghiệp phải nộp báo cáo quyết toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về Quỹ (bản chính) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo quyết toán;

c) Nguồn kinh phí sau khi chi trả cho người lao động còn thừa (nếu có), doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả về Quỹ cùng với việc lập và gửi báo cáo quyết toán kinh phí nêu trên.

2. Đối với khoản kinh phí cấp cho cơ quan bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, cơ quan bảo hiểm xã hội phải lập báo cáo sử dụng kinh phí (Mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gửi về Quỹ.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu đơn vị tiếp nhận kinh phí chưa kịp thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ về Quỹ thì phải có văn bản giải trình lý do và có trách nhiệm hoàn tất báo cáo gửi về Quỹ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày quá hạn nộp báo cáo theo quy định.

Sau thời hạn nêu trên, nếu doanh nghiệp vẫn không có báo cáo quyết toán kinh phí thì cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện cưỡng chế, thu hồi lại khoản kinh phí đã hỗ trợ.

Mục 3. CHI HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 14. Đối tượng thụ hưởng

Các cơ sở đào tạo nghề nằm trong danh sách thông báo của cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện hỗ trợ đào tạo người lao động dôi dư tại doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo chế độ quy định.

Điều 15. Lập và thẩm định hồ sơ cấp kinh phí

1. Sau khi hoàn tất đào tạo nghề cho người lao động dôi dư tại doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề cho người lao động dôi dư lập và gửi đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo (Mẫu số 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này), kèm theo các phiếu học nghề miễn phí (bản gốc) và bản sao các quyết định nghỉ việc của người lao động dôi dư học nghề tại cơ sở đào tạo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính nơi cơ sở đào tạo nghề đóng trụ sở để thẩm định và có ý kiến. Cơ sở đào tạo nghề chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác trong đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm giám sát, thẩm định về số lao động dôi dư thực tế tại doanh nghiệp được đào tạo tại cơ sở đào tạo nghề, thời gian đào tạo nghề (tối đa không quá 06 tháng).

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định về mức chi đào tạo thực tế phát sinh và mức kinh phí đào tạo đề nghị Quỹ thanh toán.

Điều 16. Thủ tục xuất Quỹ

1. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí của các cơ sở đào tạo nghề được gửi về cơ quan quản lý Quỹ để thẩm định và ra quyết định xuất Quỹ.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ sở đào tạo nghề gửi, cơ quan quản lý Quỹ ra quyết định xuất Quỹ và thực hiện cấp kinh phí cho đơn vị thụ hưởng; đồng thời gửi quyết định cho các đơn vị liên quan như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính nơi cơ sở đào tạo nghề đóng trụ sở. Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý Quỹ thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính biết để hoàn chỉnh.

Mục 4. CHI BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ ĐIỀU CHUYỂN VỀ QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Điều 17. Nguyên tắc chi bổ sung vốn điều lệ

1. Đối tượng áp dụng là các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ là Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con đang có số dư Quỹ lớn và chưa được chủ sở hữu đảm bảo đầu tư đủ vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc sử dụng nguồn Quỹ để bổ sung vốn điều lệ chỉ được thực hiện sau khi đã đảm bảo đủ nguồn kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn, Tổng công ty,

- Công ty mẹ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật.
3. Doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ phải lập hồ sơ báo cáo chủ sở hữu, đồng gửi Bộ Tài chính để rà soát, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
4. Sau khi có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan quản lý Quỹ thực hiện hạch toán, chuyển nguồn Quỹ để bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 18. Điều chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Việc điều chuyển Quỹ tuân thủ theo các nguyên tắc và trình tự, thủ tục quy định tại Điều 23 và Điều 24 Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 184/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2012.

Mục 5. KẾ TOÁN QUỸ VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Điều 19. Kế toán Quỹ

1. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm mở tài khoản riêng để theo dõi các khoản thu, chi của Quỹ; mở sổ kế toán, hạch toán rõ ràng, đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi phát sinh; Tổ chức việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật.
2. Sổ dự Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ thành lập theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính được tiếp tục theo dõi và chuyển tiếp để quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư này.
3. Sổ dự Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các công ty mẹ là tổng công ty hoặc các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành lập theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính được chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ để quản lý và sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Báo cáo Quỹ

1. Định kỳ hàng quý (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý) hoặc khi có yêu cầu của Bộ Tài chính, các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước và Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.
 2. Kết thúc năm tài chính, trong thời hạn 45 ngày, các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con phải gửi báo cáo quyết toán Quỹ về cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của doanh nghiệp và Bộ Tài chính. Báo cáo quyết toán Quỹ phải phản ánh đầy đủ, trung thực số liệu về tình hình thu chi; tình hình công nợ phải thu, phải trả và những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý Quỹ kèm theo xác nhận sổ dự Quỹ của Ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản.
- Trường hợp không báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định thì Ban lãnh đạo Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con (Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban giám đốc) được xác định là chưa hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm theo quy định tại quy chế giám sát và phân loại doanh nghiệp của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Lưu hồ sơ chứng từ

Cơ quan quản lý Quỹ, các doanh nghiệp, cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ sở đào tạo nghề nhận kinh phí từ Quỹ có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ, tài liệu có liên quan đến hoạt động thu chi của Quỹ theo quy định hiện hành về kế toán để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của Bộ Tài chính, cơ quan quản lý Quỹ và của các cơ quan liên quan.

**Chương 3
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tài chính; các Bộ quản lý ngành, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:
 - a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động của Quỹ.
 - b) Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc sử dụng Quỹ để bổ sung vốn điều lệ cho các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con; thực hiện việc điều hòa nguồn Quỹ tại các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.
 - c) Phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh kiểm tra, thanh tra tình hình quản lý và sử dụng Quỹ; tổng hợp báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
 - d) Hướng dẫn hạch toán các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.
2. Trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng Quỹ; đôn đốc các Tập đoàn, Tổng công ty, công ty mẹ thực hiện báo cáo quyết toán Quỹ theo đúng quy định tại Thông tư này.
 - b) Phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng Quỹ tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Công ty mẹ.

Điều 23. Trách nhiệm của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ và các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.
 - a) Tổ chức quản lý, sử dụng nguồn Quỹ theo nội dung quy định tại Thông tư này.
 - b) Thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu của hồ sơ để nghị hỗ trợ lao động dôi dư; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đối với lao động dôi dư tại các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu theo đúng quy định của pháp luật.
 - c) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí lao động dôi dư và quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa đúng thời hạn quy định.
 - d) Tổng hợp, báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình quản lý và sử dụng Quỹ theo nội dung Thông tư này.
 - e) Chấp hành quyết định điều hòa Quỹ của cấp có thẩm quyền theo quy định.
2. Ban Lãnh đạo Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ chịu trách nhiệm quản lý, giám sát việc sử dụng Quỹ, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch của Quỹ và có báo cáo thường xuyên tình hình hoạt động của Quỹ.
3. Các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu:
 - a) Thực hiện quyết toán các khoản thu, chi để xác định số phải nộp về Quỹ theo đúng quy định.
 - b) Nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thu (kể cả lãi chậm nộp nếu có) về Quỹ trong thời gian quy định.
3. Các doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí.

Các doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu khi xác định chế độ chi trả cho người lao động theo quy định hiện hành; quyết toán đầy đủ nguồn thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp (đối với trường hợp thực hiện hình thức cổ phần hóa, bán doanh nghiệp) để chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư tại thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp; thực hiện chi trả kinh phí cho người lao động dôi dư, lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí; lưu trữ sổ sách chứng từ đầy đủ theo quy định; chịu sự kiểm tra giám sát của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan.
4. Người lao động dôi dư được tái tuyển dụng và đơn vị tái tuyển dụng
Người lao động dôi dư đã nhận trợ cấp từ Quỹ nếu được tái tuyển dụng lại thì phải nộp trả Quỹ toàn bộ hoặc một phần số tiền trợ cấp đã nhận theo quy định. Đơn vị tuyển dụng lao động có trách nhiệm thu hồi số tiền trợ cấp mà người lao động hoàn trả và nộp về tài khoản của Quỹ ngay sau khi ký hợp đồng lao động.
Đơn vị tuyển dụng và người lao động được tái tuyển dụng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm trái quy định tại Điều này

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2013 và thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có hướng dẫn xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP BCĐ Trung ương về phòng chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban chỉ đạo ĐM&PTDN;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu